

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT  
LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Phòng không nhân dân.*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định chính sách, nguyên tắc, xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động; công tác quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ; các biện pháp về bảo đảm an toàn phòng không; quyền và nghĩa vụ của công dân; bảo đảm nguồn lực, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với phòng không nhân dân.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phòng không nhân dân* là tổng hợp các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả địch xâm nhập, tiến công đường không; là một nội dung của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động trong khu vực phòng thủ, nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả trong chiến tranh; bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp (gọi chung là doanh nghiệp).

2. *Thế trận phòng không nhân dân* là hình thái tổ chức và bố trí lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phòng không để phát huy sức mạnh tổng hợp trong tác chiến phòng không, được xây dựng từ đơn vị cấp huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, có liên hệ phối hợp chặt chẽ với nhau trên từng địa bàn, từng khu vực phòng thủ và trong phạm vi cả nước.

3. *Phương tiện bay siêu nhẹ* bao gồm các loại khí cầu (có người điều khiển và không có người điều khiển) và mô hình bay (gồm các loại tàu lượn, Plycam, các loại dù bay và điều bay có hoặc không có người điều khiển).

4. *Địa bàn phòng không nhân dân* bao gồm địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân và địa bàn ngoài trọng điểm phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh nằm trong thế trận phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.